

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO - BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG VIỆC THỂ CHẾ HOÁ CÁC NGHỊ QUYẾT QUAN TRỌNG CỦA ĐẢNG

✍ TS. Đỗ Đình Thuần

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thương mại

● **TÓM TẮT:** Trong bối cảnh biến động nhanh chóng của thế giới hiện đại, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã trở thành yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh và vị thế quốc gia. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với nền tảng là công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và vật liệu mới, đang làm thay đổi toàn diện phương thức sản xuất, quản trị và đời sống xã hội. Nắm bắt được xu thế này, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng, xác định rõ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong những đột phá chiến lược để phát triển nhanh và bền vững đất nước. Việc đẩy mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cũng là yêu cầu khách quan của quá trình phát triển. Những chủ trương này đang được thể chế hoá mạnh mẽ, tạo nền tảng để chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hội nhập sâu rộng với khu vực, thế giới. Bài viết này phân tích sâu hơn những bước đột phá trong quá trình thể chế hóa, vai trò của các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, các kết quả đạt được, thách thức còn tồn tại và định hướng hoàn thiện chính sách giai đoạn tới.

● **Từ khóa:** Khoa học công nghệ- đổi mới sáng tạo; bước đột phá trong thể chế hoá các Nghị quyết; đột phá chiến lược.

● **ABSTRACT:** In the context of rapid and profound global changes, science, technology and innovation have become decisive factors in determining national competitiveness and global standing. The Fourth Industrial Revolution founded on digital technologies, big data, artificial intelligence, biotechnology and new materials is fundamentally transforming production methods, governance structures and social life. Recognizing this trend, the Communist Party of Vietnam has issued numerous important resolutions that clearly identify science, technology and innovation as one of the strategic breakthroughs for fast and sustainable national development. Promoting science, technology and innovation is also an objective requirement of the development process. These orientations are being strongly institutionalized, creating a foundation for transforming the growth model, improving the quality of human resources and deepening regional and global integration. This article provides an in-depth analysis of the breakthroughs in the institutionalization process, the roles of key actors within the innovation ecosystem, the achievements attained, the remaining challenges and the policy directions for the next period.

● **Keywords:** Science and technology – innovation; breakthroughs in institutionalizing Party Resolutions; strategic breakthroughs.

Ngày nhận bài: 08/10/2025 - Ngày bình duyệt: 20/11/2025 - Ngày duyệt đăng: 25/11/2025

Việc thể chế hoá các nghị quyết không chỉ mang tính thủ tục mà là quá trình chuyên hoá tư duy chiến lược của Đảng thành chính sách cụ thể, khả thi, tạo động lực trực tiếp cho nền kinh tế tri thức.

CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ LÝ LUẬN TRONG ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Trong suốt hành trình thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, tư duy của Đảng về khoa học công nghệ luôn nhất quán, coi khoa học và công nghệ là then chốt của công cuộc đổi mới. Đặc biệt, từ Đại hội XII và XIII, quan điểm này được nâng lên tầm mới: coi đổi mới sáng tạo là trung tâm, là động lực trực tiếp tạo ra tăng trưởng dựa trên năng suất và tri thức.

**Tổng quan chung:* Các nghị quyết quan trọng thể hiện rõ tinh thần này gồm: *Nghị quyết số 20-NQ/TW (2012)* về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; *Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng* nhấn mạnh yêu cầu “phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, coi đó là điều kiện tiên quyết để “đi tắt, đón đầu”; Các nghị quyết về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... Đặc biệt, trong các văn kiện những năm gần đây, Đảng luôn xem doanh nghiệp là trung tâm đổi mới sáng tạo, và xem thể chế là khâu đột phá. Điều này đặt ra yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, đầu tư, tài chính, nhân lực và tổ chức khoa học công nghệ.

Một trong những quan điểm thiết yếu là Đảng đã xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong những đột phá chiến lược, là “động lực chính của phát triển kinh tế – xã hội”. Trong những năm gần đây, hệ thống văn bản chiến lược và chính sách liên quan đến lĩnh vực này đã được hoàn thiện đồng bộ hơn, tập trung vào các vấn đề: Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia; Nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ; Thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi ngành, lĩnh vực;

Khuyến khích doanh nghiệp trở thành trung tâm của hoạt động đổi mới sáng tạo. Điều đó thể hiện rõ quan điểm: phát triển nhanh và bền vững phải dựa trên tri thức, công nghệ hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao.

1. Cơ sở lý luận

1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin: Theo quan điểm duy vật biện chứng, khoa học là lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Quy luật phát triển kinh tế – xã hội cho thấy lực lượng sản xuất càng phát triển thì quan hệ sản xuất, cơ cấu kinh tế phải đổi mới phù hợp và khoa học và công nghệ là yếu tố nâng cao năng suất lao động. Trong khoi đó, con người là chủ thể sáng tạo, quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất và nền tảng cho tư tưởng “lấy con người làm trung tâm” là cốt lõi trong chính sách khoa học và công nghệ hiện nay.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: Coi khoa học và kỹ thuật là chìa khóa của tiến bộ, nhấn mạnh “muốn tiến bộ, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải có học thức, phải có kỹ thuật”. Đặt trọng tâm vào đào tạo nhân tài, bồi dưỡng trí thức. Khuyến khích tinh thần sáng tạo, học hỏi các thành tựu khoa học của thế giới.

1.3. Quan điểm của Đảng trong thời kỳ đổi mới: khoa học và công nghệ là động lực then chốt, là “quốc sách hàng đầu”. Thực hiện xã hội hóa và thị trường hóa hoạt động khoa học và công nghệ, thúc đẩy liên kết nhà nước – doanh nghiệp – viện trường. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế. Gắn khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế tri thức, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thực tiễn trong nước: Tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng không còn phù hợp; năng suất lao động thấp, công nghệ lạc hậu → cần dựa vào khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng tăng trưởng. Đã có nhiều tiến bộ: công nghệ thông tin, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, không gian vũ trụ (micro-satellite), AI... Tuy nhiên, còn hạn

chế là: Đầu tư cho khoa học và công nghệ chưa tương xứng; Liên kết viện - trường - doanh nghiệp yếu; Thiếu cơ chế đổi mới sáng tạo trong quản lý nhà nước. Trong khi đó, sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, IoT, robot... tạo áp lực phải cải cách mạnh mẽ về thể chế, nhân lực và đổi mới sáng tạo.

2.2. Yêu cầu hội nhập quốc tế và cạnh tranh kinh tế: Việt Nam tham gia nhiều FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA...), đòi hỏi tiêu chuẩn cao về công nghệ, chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ. Doanh nghiệp Việt Nam phải đổi mới công nghệ để tồn tại trong chuỗi giá trị toàn cầu.

THỂ CHẾ HOÁ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG – BƯỚC CHUYỂN MẠNH MẼ TRONG QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO.

Một trong những điểm nhấn về đổi mới thể chế là việc chuyển đổi mạnh từ mô hình tiền kiểm sang hậu kiểm, tập trung vào minh bạch hóa quy trình, đánh giá kết quả và quản lý rủi ro thay vì can thiệp sâu vào hoạt động ban đầu. Đây là cách tiếp cận hiện đại, phù hợp với đặc trưng linh hoạt và thử nghiệm liên tục của lĩnh vực khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo. Theo đó trong quản lý nhà nước, sẽ chuyển từ kiểm soát đầu vào sang đánh giá hiệu quả đầu ra, khuyến khích nghiên cứu hướng tới thực tiễn, chấp nhận rủi ro đi kèm với cơ chế quản trị rủi ro.

Thể chế hoá các nghị quyết của Đảng không chỉ là việc ban hành văn bản pháp luật, mà là quá trình kiến tạo hệ thống chính sách đồng bộ, đảm bảo chiến lược của Đảng đi vào đời sống. Có thể nhìn nhận tiến trình này qua một số trụ cột sau:

1. *Hoàn thiện khung pháp lý*: Nhiều cơ chế quản lý mới đã được ban hành, hệ thống pháp luật về khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo được bổ sung theo hướng: Cởi mở hơn trong quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ; Khuyến khích tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học; Thúc đẩy chuyển giao công nghệ; Tạo thuận lợi cho thương mại hoá kết quả nghiên cứu. Bổ

sung quy định về sở hữu trí tuệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; Tạo nền tảng pháp lý cho chuyển đổi số và dữ liệu mở. Thực tế đó góp phần giảm tính hành chính, tăng tính thị trường, hướng hệ thống khoa học công nghệ vào mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và doanh nghiệp; Mở rộng không gian ứng dụng công nghệ số trong quản trị và sản xuất.

2. *Đổi mới cơ chế tài chính và đầu tư*: Việc thể chế hoá nghị quyết đã tạo ra các bước tiến như: Triển khai cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ theo yêu cầu của doanh nghiệp; Cho phép giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu để khuyến khích thương mại hóa; Phát huy vai trò của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Khoa học Công nghệ của doanh nghiệp – các quỹ đó được vận hành theo hướng minh bạch, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D). Mở rộng cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng. Điều này góp phần giảm thủ tục, tăng động lực sáng tạo và thu hút khu vực tư nhân tham gia R&D.

3. *Tổ chức lại hệ thống và mô hình hoạt động khoa học công nghệ*: Trong đó, các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo được khuyến khích hoạt động theo mô hình tự chủ; được liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp; tham gia chuỗi giá trị và mạng lưới đổi mới toàn cầu; và triển khai phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm công nghệ cao... giúp tạo ra không gian sáng tạo, thúc đẩy khởi nghiệp và kết nối các chủ thể trong hệ sinh thái.

4. *Tăng cường hội nhập quốc tế*: Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực được thúc đẩy, tạo điều kiện để các tổ chức khoa học trong nước tiếp cận tri thức và công nghệ tiên tiến.

5. *Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp - hạt nhân của nền kinh tế tri thức*: Một trong những điểm đột phá quan trọng của chính sách là chuyển vai trò trung tâm của đổi mới sáng tạo sang khu vực doanh nghiệp. Trong đó: Doanh nghiệp là nơi trực tiếp ứng dụng công nghệ, tạo ra sản phẩm và lợi nhuận, do

đó chính sách cần hướng đến: Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào R&D; Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ; Thúc đẩy doanh nghiệp khởi nguồn công nghệ (spin-off) từ viện, trường; Hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; Khuyến khích hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao; Phát triển lực lượng doanh nghiệp khoa học công nghệ... Cùng với đó, cần thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp thông qua các quá trình: Tự động hóa quy trình; Tối ưu chuỗi cung ứng; Ứng dụng AI, dữ liệu lớn vào sản xuất và quản trị; Tăng cường năng lực cạnh tranh quốc tế.

6. *Phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ - yếu tố có tính quyết định phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo*: Việc thể chế hóa nghị quyết của Đảng về vấn đề nhân lực khoa học công nghệ tập trung vào ba hướng lớn: (1) Đổi mới đào tạo đại học và sau đại học: Cải tiến chương trình theo chuẩn quốc tế; Liên kết doanh nghiệp trong đào tạo; Thành lập các chương trình đào tạo nhân lực AI, dữ liệu, an ninh mạng; Tăng cường mô hình đại học nghiên cứu; Cải cách chương trình đào tạo đại học và sau đại học; Tạo môi trường thuận lợi để thu hút chuyên gia trong và ngoài nước; Khuyến khích các mô hình hợp tác doanh nghiệp – trường đại học – viện nghiên cứu. (2) Thu hút và trọng dụng nhân tài: Chính sách mới phải tạo điều kiện: Thu hút các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài; Trọng dụng chuyên gia đầu ngành; Đãi ngộ theo năng lực, không cứng theo biên chế. (3) Tăng cường kỹ năng số cho lực lượng lao động: Cần trang bị cho lực lượng lao động: Kỹ năng số cơ bản; Kỹ năng thích ứng với môi trường tự động hóa; Năng lực tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề.

Việc thể chế hoá các nghị quyết quan trọng của Đảng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã tạo ra bước đột phá mạnh mẽ về chính sách và quản trị, đồng thời mở ra dư địa lớn cho tăng trưởng kinh tế – xã hội. Trong giai đoạn tới, việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực đổi mới, phát triển nhân lực và thúc đẩy hợp tác quốc tế sẽ là chìa khoá giúp Việt Nam bắt kịp,

tiến cùng và vượt lên trong kỷ nguyên số.

Lần đầu tiên, “đổi mới sáng tạo” được quy định trong luật. Việc luật hóa khái niệm này nhằm khẳng định vị thế của đổi mới sáng tạo như một lĩnh vực độc lập, tương đương với khoa học công nghệ. Điều này thể hiện sự đổi mới về tư duy, không chỉ tập trung vào nghiên cứu thuần túy. Và đây cũng là cơ sở để các ý tưởng được nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng vào thực tiễn và thương mại hóa các sản phẩm của đổi mới sáng tạo.

THÁCH THỨC VÀ NHỮNG YÊU CẦU TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO.

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang trở thành động lực then chốt để nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả vai trò này, thể chế vận khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo cần phải được hoàn thiện liên tục, thích ứng với bối cảnh phát triển mới và xu hướng hội nhập quốc tế.

1. Những thách thức:

a) Thể chế còn phân tán, thiếu tính kết nối: Dù đã có nhiều văn bản, chính sách liên quan đến khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhưng vẫn tồn tại sự chồng chéo, phân mảnh giữa các bộ, ngành và địa phương. Sự thiếu thống nhất này dẫn đến hiệu quả quản lý thấp, khó tạo ra một hệ sinh thái đổi mới liên mạch.

b) Cơ chế tài chính chưa phù hợp với đặc thù nghiên cứu: Nhiều quy định tài chính còn cứng nhắc, thiếu linh hoạt so với tính rủi ro của hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Thủ tục thanh quyết toán phức tạp, thời gian phê duyệt kéo dài, làm giảm động lực của nhà khoa học và doanh nghiệp.

c) Liên kết viện – trường – doanh nghiệp còn yếu: Một trong những điểm nghẽn lớn là thiếu cơ chế khuyến khích và ràng buộc hợp tác giữa các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Nhiều kết quả nghiên cứu

không được thương mại hóa, làm giảm hiệu suất đầu tư cho khoa học công nghệ.

d) Hạn chế trong cơ chế thu hút và trọng dụng nhân lực chất lượng cao: Các quy định về lương thưởng, môi trường làm việc, đánh giá và trọng dụng nhân tài vẫn chưa đủ cạnh tranh với khu vực tư nhân hoặc quốc tế, dẫn đến tình trạng “chảy máu chất xám”.

e) Hệ thống pháp lý cho công nghệ mới còn chậm: Nhiều lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, kinh tế số phát triển rất nhanh, trong khi khung pháp lý vẫn theo cách tiếp cận truyền thống, chưa bắt kịp tốc độ thay đổi.

2. Những yêu cầu để tiếp tục hoàn thiện thể chế:

a) Tăng tính thống nhất và đồng bộ trong xây dựng chính sách: Cần có cơ chế điều phối tập trung, thống nhất để đảm bảo sự liên thông giữa các luật, nghị định, chương trình khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hệ thống hóa và rà soát toàn bộ văn bản hiện hành để loại bỏ chồng chéo và bổ sung các nội dung còn thiếu.

b) Cải cách mạnh mẽ cơ chế tài chính: Áp dụng phương thức khoán chi toàn phần. Cho phép linh hoạt điều chỉnh nhiệm vụ khoa học công nghệ theo yêu cầu thực tiễn. Tăng tỷ lệ đầu tư từ doanh nghiệp, thiết kế ưu đãi thuế phù hợp. Phát triển các quỹ đầu tư mạo hiểm và quỹ hỗ trợ thương mại hóa.

c) Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn kết ba nhà: Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế về: Đồng tài trợ nhiệm vụ nghiên cứu giữa viện – trường – doanh nghiệp; Thúc đẩy trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm và phòng thí nghiệm mở; Bảo hộ sở hữu trí tuệ hiệu quả hơn, khuyến khích doanh nghiệp khai thác kết quả nghiên cứu.

d) Đổi mới chính sách nhân lực khoa học công nghệ: Áp dụng cơ chế đãi ngộ cạnh tranh, trọng dụng người có tài năng đặc biệt; Mở rộng tuyển dụng theo năng lực và kết quả đầu ra thay vì dựa trên bằng cấp, thâm niên; Xây dựng môi trường nghiên cứu mở, khuyến khích sáng tạo và học thuật.

e) Cập nhật khung pháp lý cho công nghệ mới: Cần xây dựng cơ chế “sandbox” (thử nghiệm chính sách) cho các lĩnh vực có tốc độ đổi mới nhanh như AI, blockchain, công nghệ sinh học..., đồng thời tăng cường đánh giá rủi ro và bảo đảm an toàn dữ liệu.

Mặc dù đạt nhiều thành tựu, quá trình thể chế hóa vẫn đối mặt một số thách thức. Việc tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế không chỉ thúc đẩy hoạt động nghiên cứu mà còn tạo động lực cho doanh nghiệp và xã hội đổi mới sáng tạo. Đây là nhiệm vụ mang tính dài hạn, đòi hỏi quyết tâm chính trị cao, sự phối hợp liên ngành và sự tham gia của toàn bộ hệ sinh thái khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Để khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành đòn bẩy quan trọng trong giai đoạn phát triển mới, cần xác định rõ các định hướng chủ đạo.

Giai đoạn 2025–2035, Việt Nam cần tập trung vào các định hướng: Phát triển kinh tế số và công nghiệp công nghệ số; Đầu tư vào công nghệ lõi và công nghệ xanh; Thúc đẩy đổi mới sáng tạo mở và liên kết quốc tế; Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; Hình thành đội ngũ chuyên gia đẳng cấp cao trong các lĩnh vực ưu tiên.

1. Về định hướng cụ thể:

Trước hết, mô hình tăng trưởng phải chuyển mạnh từ dựa vào tài nguyên và lao động sang dựa vào tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việt Nam cần ưu tiên phát triển và tự chủ trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo, công nghệ vũ trụ và vật liệu mới. Đồng thời, việc xây dựng kinh tế số và xã hội số cần được thúc đẩy toàn diện để tạo nền tảng cho tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Thứ hai là phát triển mạnh hệ sinh thái

đổi mới sáng tạo quốc gia. Các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và mạng lưới nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài cần được kết nối chặt chẽ, tạo thành hệ thống hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp nghiên cứu – phát triển công nghệ mới. Cùng với đó, phải chú trọng phát triển nguồn nhân lực trí tuệ cao, tăng cường đào tạo STEM, đổi mới giáo dục đại học theo hướng gắn chặt với nghiên cứu và nhu cầu của doanh nghiệp.

2. Để hiện thực hóa các định hướng này, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp:

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách cho khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo.: Hoàn thiện Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ, cơ chế sandbox cho công nghệ mới. Nhà nước cần tạo khung pháp lý thông thoáng, minh bạch, kịp thời điều chỉnh để phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ. Cơ chế sandbox cho các lĩnh vực như AI, fintech, dữ liệu lớn... phải được xây dựng nhằm khuyến khích thử nghiệm và thương mại hóa công nghệ mới. Đồng thời, cần tăng cường đầu tư công cho R&D, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia mạnh mẽ hơn thông qua các ưu đãi thuế, tín dụng và quỹ hỗ trợ đổi mới công nghệ. Có chính sách đặc thù cho trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, khu công nghệ cao.

2. Đối với doanh nghiệp, giải pháp quan trọng là thúc đẩy chuyên đổi số toàn diện và hỗ trợ đổi mới công nghệ. Nhà nước cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khoa học và công nghệ phát triển, hình thành các

tập đoàn công nghệ dẫn dắt, có khả năng cạnh tranh ở tầm khu vực và quốc tế. Các quỹ đầu tư mạo hiểm, vườn ươm và chương trình tăng tốc khởi nghiệp cần được mở rộng để thúc đẩy hoạt động thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu.

3. Nguồn nhân lực khoa học và công nghệ phải được coi là yếu tố trung tâm. Cần đổi mới phương pháp đào tạo, tăng cường học thuật thực nghiệm và khuyến khích tinh thần sáng tạo trong nhà trường. Song song đó, cần có chính sách đãi ngộ, thu hút chuyên gia trong và ngoài nước, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo lại lao động theo nhu cầu của nền kinh tế số.

4. Việt Nam phải tăng cường hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Hợp tác với các quốc gia tiên tiến, tham gia các mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu, đồng thời thu hút các tập đoàn lớn đầu tư vào nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam sẽ giúp rút ngắn khoảng cách công nghệ và tạo cơ hội tiếp cận tri thức mới.

Việc thể chế hoá các nghị quyết quan trọng của Đảng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã tạo ra bước đột phá mạnh mẽ về chính sách và quản trị, đồng thời mở ra dư địa lớn cho tăng trưởng kinh tế – xã hội. Trong giai đoạn tới, việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực đổi mới, phát triển nhân lực và thúc đẩy hợp tác quốc tế sẽ là chìa khoá giúp Việt Nam bắt kịp, tiến cùng và vượt lên trong kỷ nguyên số./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Văn kiện Hội nghị Trung ương 6, 7, 8 (khóa XIII) – các nội dung liên quan đến hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng, kinh tế số, đổi mới sáng tạo.
2. Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 theo tinh thần Đại hội XIII.
3. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (2021) – các nội dung về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và

phát triển kinh tế tri thức.

4. Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013
5. Luật Công nghệ cao năm 2008 và các nghị định hướng dẫn thi hành.
6. Quyết định 1269/QĐ-TTg năm 2021 phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.
7. Báo cáo của các bộ, ngành: Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục & Đào tạo, Nông nghiệp, Quốc phòng... về ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo.